TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **THÀNH PHỐ P**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HSST
Ngày 13-03-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N THÀNH PHỐ P

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Đắc Hân

2. Bà Nguyễn Thị Lý

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Cán bộ Toà án nhân dân thành phố N, thành phố P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, thành phố P tham gia phiên toà: Ông Bùi Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 03 năm 2025 tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Toà án nhân dân thành phố N, thành phố P và điểm cầu thành phần là trụ sở Trại tạm giam P xét xử trực tuyến công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 26/2025/HSST ngày 14 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Đức T, sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường M, thành phố N, thành phố P; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Bùi Thị Y; chưa có vợ con; tiền án: Bản án số 149/2009/HSST ngày 30/9/2009, Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp T sản; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 181/2010/HS-ST ngày 20/12/2010, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp T sản tổng hợp với 09 tháng tù của Bản án số 149/2009/HSST ngày 30/9/2009 của Tòa án nhân dân thành phố P, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2010 và Bản án số 11/2017/HSST ngày

17/01/2017, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp T sản, thời gian phạt tù tính từ ngày 01/10/2016 (Đều đã xóa án tích); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 22/10/2024 đến ngày 30/10/2024 chuyển tạm giam; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các T liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 40 phút ngày 21/10/2024, tại khu vực ngõ Phượng Hoàng, khu T, thị trấn M, huyện N, thành phố P (nay là tổ dân phố T, phường M, thành phố N, thành phố P), Công an phường M kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Lê Đức T, sinh năm 1991, thường trú tại tổ dân phố T, phường M, thành phố N, thành phố P có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ gồm: 08 gói giấy (trong đó có 07 gói giấy bạc màu trắng và 01 gói giấy màu trắng) đều chứa chất bột màu trắng (nghi là ma túy) thu giữ trong túi quần phía trước bên trái Lê Đức T đang mặc. Cơ quan Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng để điều tra, giải quyết .

Tại Cơ quan điều tra Lê Đức T khai: do bản thân nghiện ma túy Heroine nên thường đi mua ma túy để sử dụng. Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 21/10/2024 T đi bộ từ nhà ra Bưu điện phường M để thuê xe ôm đi đến đường tàu nội thành P mua ma túy. Tại đây, T thuê xe ôm của một người dàn ông lạ mặt khoảng 50 tuổi chở đến đường tàu nội thành P. Khi đến, người lái xe ôm đứng đợi ở ngoài còn T đi bộ một mình vào trong đường tàu khoảng 200m thì gặp một người phụ nữ không quen biết khoảng 45 tuổi hỏi và mua được của người này 08 gói ma túy Heroine với giá 800.000 đồng trong đó có 07 gói giấy bạc màu trắng và 01 gói giấy màu trắng. Mua được ma túy, T cất vào túi quần phía trước bên trái rồi quay lại đi xe ôm trở về nhà. Khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, T về đến Bưu điện phường M thì trả tiền xe ôm rồi đi bộ về nhà. Khi đi bộ được khoảng 300m đến khu vực ngõ Phượng Hoàng, tổ dân phố T, phường M, thành phố N, thành phố P thì bị tổ công tác của Công an phường M kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang .

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở và khu vực có liên quan của Lê Đức T, Cơ quan điều tra không phát hiện, thu giữ đồ vật, T liệu gì liên quan đến vụ án.

Lời khai của bị cáo Lê Đức T phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người chứng kiến, Kết luận giám định, vật chứng thu giữ cùng các T liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng: 01 phong bì niêm phong số 1236MT/PC09 chứa chất ma túy (0,45 gam Heroine), vỏ túi đựng chất ma túy còn lại sau giám định chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N quản lý.

Tại Kết luận giám định số 1236/KL-KTHS ngày 25/10/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố P kết luận: chất bột màu trắng thu giữ khi bắt quả tang Lê Đức T có khối lượng **0,58 gam** là ma túy, loại Heroine.

Tại bản cáo trạng số 46/CT-VKSTN ngày 11/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, thành phố P đã truy tố bị cáo Lê Đức T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo Lê Đức T khai nhận đã thực hiện hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy như nội dung nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, P tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điểm c Khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Đức T với mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày 22/10/2024. Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng và buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các T liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang, kết luận giám định, vật chứng thu giữ và các T liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận như sau:

Ngày 21/10/2024, Lê Đức T có hành vi cất giấu trái phép **0,58 gam** heroine để sử dụng cho bản thân bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang tại khu vực ngõ Phượng Hoàng, tổ dân phố T, phường M, thành phố N, thành phố P. Như vậy hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý theo Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 46/CT-VKSTN ngày 11/02/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố bị cáo như đã nêu trên là đúng pháp luật.

Điều luật quy định:

"1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

c) Heroine...có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.....".

Tính chất của vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là rất nguy hiểm, đã xâm phạm chế độ quản lý đặc biệt của Nhà nước về cất giữ các chất ma tuý, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Khi phạm tội bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích thể hiện tại Bản án số 149/2009/HSST ngày 30/9/2009, Tòa án nhân dân thành phố P xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp T sản (tổng giá trị T sản chiếm đoạt 2.325.500 đồng); bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 50.000 đồng và 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; bị cáo bị truy thu số tiền 133.000 đồng tiền thu lợi bất chính; bị cáo phải bồi thường cho 03 bị hại tổng số tiền 575.000 đồng. Qúa trình xác minh bị cáo đã thi hành xong phần 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, phần truy thu 133.000

đồng tiền thu lợi bất chính vào ngày 20/9/2012 nhưng Số tiền 575.000 đồng chưa bồi thường cho các bị hại nên chưa được xóa án tích. Cho nên lần phạm tội này bị cáo bị áp dụng tình tiết *"tái phạm"* quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có thể xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy và có 01 tiền án và từng 02 lần bị xét xử, kết tội theo Bản án số 181/2010/HS-ST ngày 20/12/2010, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp T sản (tổng giá trị T sản chiếm đoạt là 130.000.000 đồng), tổng hợp với 09 tháng tù của Bản án số 149/2009/HSST ngày 30/9/2009 của Tòa án nhân dân thành phố P, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/9/2010 (được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 22/9/2008 đến ngày 25/9/2008); Phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; Về vấn đề dân sự không có; Qua xác minh đã thi hành xong khoản 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 20/12/2010; Chấp hành xong án phạt tù ngày 06/02/2013 (đã xóa án tích) và Bản án số 11/2017/HSST ngày 17/01/2017, Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp T sản, thời gian phạt tù tính từ ngày 01/10/2016 (tổng giá trị T sản chiếm đoạt là 4.152.000 đồng), phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; Về vấn đề dân sự đã giải quyết xong; Qua xác minh đã thi hành xong 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm vào ngày 17/01/2017; Chấp hành xong án phạt tù ngày 13/02/2018 đã được xóa án tích nhưng được nhận định là có nhân thân xấu.

Căn cứ vào tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đặc điểm nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với mức hình phạt theo đề nghị của Kiểm sát viên, buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung, xét bị cáo không có nghề nghiệp, T sản riêng và thu nhập, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[2]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Cần tịch thu tiêu huỷ: Số ma tuý còn lại sau giám định cùng toàn bộ vỏ bao gói được niêm phong 01 phong bì niêm phong số 1236MT/PC09 chứa chất ma túy (0,45 gam Heroine), vỏ túi đựng chất ma túy còn lại sau giám định chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N quản lý.

[3]. Trong vụ án này:

Trong vụ án này còn có đối tượng bán trái phép chất ma túy cho Lê Đức T, quá trình điều tra chưa xác định được nhân thân, lý lịch của đối tượng trên nên không có cơ sở xử lý.

[4]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự, Tuyên bố: Bị cáo Lê Đức T phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, xử phạt:

Bị cáo Lê Đức T **30 (Ba mươi)** tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 22/10/2024.

Về xử lý vật chứng áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong số 1236MT/PC09 chứa chất ma túy (0,45 gam Heroine) cùng toàn bộ vỏ bao gói của mẫu vật còn lại sau giám định đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N quản lý.

(Các vật chứng có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, thành phố P).

Về án phí áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lê Đức T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố P;
-VKSND thành phố P;
- Trại tạm giam Công an TP P;
-VKSND thành phố N;
- Chi cục THADS TP N;
- CQCSĐT Công an thành phố P;
- Bị cáo;
- Sở Tư Pháp thành phố P;
- PV27, CAHP;
- Lưu: VT; HCTP; Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Vân